

UBND TỈNH KIÊN GIANG  
BAN CHỈ ĐẠO 515

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *223* /QĐ-BCĐ

Kiên Giang, ngày *04* tháng *10* năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023)

### TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO VỀ TÌM KIẾM, QUY TẬP VÀ XÁC ĐỊNH DANH TÍNH HÀI CỐT LIỆT SĨ TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 14/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Thông tư số 214/2013/TT-BQP ngày 07 tháng 12 năm 2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình số 2841/TTr-BCH ngày 27 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch số 2817/KH-BCH ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023) (kèm theo Kế hoạch).

**Điều 2.** Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo 515 tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định này. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng cấp cho đơn vị.

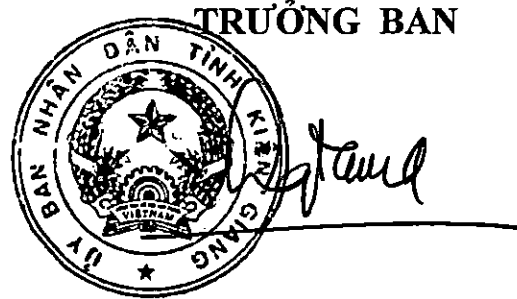


**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; các Ủy viên Ban Chỉ đạo 515 tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *N.ql*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCD 515 Quân khu 9;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH, NC;
- Lưu: VT, ddqnhut.



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Nguyễn Lưu Trung**



**QUÂN KHU 9  
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2817 /KH-BCH

Kiên Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023)**

Căn cứ Kế hoạch số 2124/KH-QK ngày 20/9/2022 của Quân khu 9 về Thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023).

Bộ CHQS tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023), cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Nhằm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023) đạt kết quả cao nhất.

- Thực hiện nhất quán quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về chính sách đối với người có công. Đồng thời đáp ứng nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ trong việc tìm kiếm, quy tập đưa hài cốt các liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo quy định.

#### **2. Yêu cầu**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp và cơ quan chức năng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia và trong nước.

- Chuẩn bị mọi mặt, chu đáo, chặt chẽ; quá trình thực hiện thận trọng, tránh nóng vội, chủ quan, lãng phí thời gian, công sức; đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và phương tiện.

- Chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật; giữ vững và tăng cường mối đoàn kết với các cấp chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân Campuchia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

## II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP

### 1. Nội dung

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang và nhân dân Campuchia làm tốt công tác tuyên truyền khai thác thông tin, tổ chức tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ trên địa bàn đã ký kết. Phần đầu giai đoạn XXII (mùa khô 2022-2023) quy tập đưa về nước khoảng 50 hài cốt liệt sĩ.

### 2. Phương pháp

#### a) Tổ chức tuyên truyền khảo sát thông tin mộ liệt sĩ

Tổ chức một bộ phận cán bộ, chiến sĩ chuyên trách sang Campuchia theo địa bàn đã ký kết phối hợp với chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang, cựu chiến binh của Campuchia tuyên truyền vận động nhân dân thu thập thông tin về hài cốt liệt sĩ, kết hợp với các tài liệu có được tiến hành khảo sát thực địa, kiểm tra xác minh, vẽ sơ đồ, đánh dấu vị trí phục vụ cho công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ theo kế hoạch.

#### b) Tổ chức tìm kiếm, quy tập

- Trên cơ sở thông tin, tài liệu nắm được, Đội K92 tổ chức lực lượng thành các tổ hoặc bộ phận, dùng phương tiện xe cuốc đào tìm hài cốt liệt sĩ theo các vị trí đã xác định; kết hợp vừa tổ chức tìm kiếm vừa khảo sát phát hiện tìm kiếm thông tin mới.

- Sau khi tìm kiếm, quy tập được hài cốt liệt sĩ phải lập hồ sơ lưu trữ bao gồm: Đơn vị thực nhiệm vụ quy tập; nguồn thông tin về vị trí hài cốt liệt sĩ; thời gian quy tập; tọa độ, sơ đồ, vị trí nơi phát hiện ra hài cốt liệt sĩ; họ tên, quê quán liệt sĩ (nếu có); biên bản kiểm kê hài cốt, di vật (nếu có). Hồ sơ và biên bản phải được người chỉ huy làm nhiệm vụ quy tập, ký xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## III. LỰC LƯỢNG, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

### 1. Lực lượng làm nhiệm vụ

#### a) Lực lượng của Đội K92

- Địa bàn Campuchia

+ Cán bộ, chiến sĩ của Đội K92: 58 đ/c (có danh sách từng đợt kèm theo)

+ Dẫn đường là cựu chiến binh Việt Nam: 04 đ/c (có danh sách kèm theo)

- Địa bàn trong nước: Quân số của đơn vị: 30 đ/c.

#### b) Lực lượng của Campuchia

- Quân đội, quân cảnh, công an, cựu chiến binh, chính quyền địa phương trực tiếp tham gia khảo sát, tìm kiếm thông tin mộ liệt sĩ, làm công tác bảo vệ: 20 người.

- Người dân Campuchia, việt kiều cung cấp thông tin về mộ liệt sĩ: 12 người.

### 2. Địa bàn hoạt động

#### 2.1. Địa bàn Campuchia

##### a) Tỉnh Kam Pốt (gồm 07 huyện)

- Huyện TurkSu: (TĐ: 7216.9).
- + Xã Tro peng Song Ke
- + Xã Cản Đon
- + Xã Chum Kriêng
- + Xã Tro peng Thum
- + Xã Kun Sát
- Huyện Chhuok: (TĐ: 79403).
- + Xã Miên Chây
- + Xã Lua Bót
- + Xã Sát Pung
- + Xã Krăng Snai
- Huyện Chumkiri: (TĐ: 0736.9).
- + Xã Tro peng
- + Xã Sre Chênh
- + Xã Sre Khơ Nong
- + Xã Chum Pu Vol
- + Xã Kho nai óng Chít
- + Xã Cho re
- + Xã Sre Sòm Rong
- Huyện Đông Tung: (TĐ: 8240.8).
- + Xã Sre Chia Khàng chon
- + Xã Sre Chia Khàng bôn
- + Xã Tù Tung
- + Xã Miên Rít
- + Xã Đom nấc Sơ Krom
- Huyện AngKochey.
- + xã Mô Rôm
- + xã Đom Đôn
- Huyện Bon Tây Meas: (TĐ: 7852.9).
- + Xã Som rong Krom
- + Xã Tuk Mía Khàng Kết
- + Xã Sdach Cung Khàng Chon
- + Xã Prây Tom Lê
- Huyện Kong Pong Trách: (TĐ: 6643.4).
- + Xã Cản Tho Khàng Lách
- + Xã Bảng Xà La Khang Bôn
- + Xã Num Liêu 1

+ Xã S'vai tong khàng Bôn

b) Tỉnh Koh Kong (02 huyện)

- Huyện Ruộng Muối: (TĐ: 2963.9).

+ Xã Bung Priêu

+ Xã Đon Pênh

+ Xã Chi Kho lơ

+ Xã Cho roi Svai

+ Xã Sre om Pil

- Huyện Mon Dol Sy Ma.

+ xã Patk KhLon

+ xã Piêm Cro sóp

+ xã Tuol Ko Ki

c) Tỉnh Kép (01 huyện): Huyện Đầm Nắc Chân Ô (TĐ: 6330.3)

- Xã Bong Thum

- Xã Keo Tà Xăng

- Phường Kép

d) Tỉnh PreahSihanouk (02 huyện)

- Huyện P'rây Núp: (TĐ: 7083.3).

+ Xã Chon Cô

+ Phường SâmKi

+ Phường Thơ Mây

- Huyện Kampungsila: (TĐ: 2476.2).

+ Xã Chum Ka Luông

+ Xã Ô pắc rờ Tia

+ Xã S'Tung Sai

+ Xã Kampungsila

đ) Cửa khẩu đi qua: Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên (Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang/Việt Nam) - Cửa khẩu Praychak (huyện KongPongTrach, tỉnh Kam Pốt/Campuchia).

2.2. Địa bàn trong nước

- Thành phố Hà Tiên: Tổ 4 ấp Xoa Áo, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang 02 vị trí = 21 liệt sĩ;

- Huyện Kiên Lương:Đội 100, ấp Ba Trại, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang 02 vị trí = 10 liệt sĩ;

- Huyện U Minh Thượng: Ấp Hòa Vàm A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang 01 vị trí = 10 liệt sĩ.

Tổng số có 05 vị trí = 41 liệt sĩ.

Ngoài ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, nếu có thông tin phát sinh mới; Ban chỉ huy Đội K92 phải báo cáo xin ý kiến Bộ CHQS tỉnh, Ban Chỉ đạo 515 tỉnh Kiên Giang.

#### IV. THỜI GIAN

1. Thời gian khảo sát thông tin mộ

Thời gian khảo sát thông tin mộ: từ ngày 25/9/2022 đến ngày 31/10/2022.

2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm quy tập

- Địa bàn Campuchia:

+ Đợt 1: Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 16/01/2023.

+ Đợt 2: Từ ngày 30/01/2023 đến ngày 20/7/2023.

- Địa bàn trong nước: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/9/2023.

#### V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Kinh phí: thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước giao Bộ Quốc phòng phân cấp cho đơn vị, số tiền **13.659.600.000đ** (Mười ba tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng); trong đó:

a) Địa bàn Campuchia: Dự kiến sử dụng kinh phí: 12.608.700.000đ.

b) Địa bàn trong nước: Dự kiến sử dụng kinh phí: 1.050.900.000đ.

(Có dự toán kinh phí kèm theo)

2. Xăng dầu

- Địa bàn Campuchia

+ Xăng A95: 14.000 lít

+ Dầu Diesel: 26.000 lít

+ Nhớt: 1.500 lít

- Địa bàn trong nước

+ Xăng A95: 1.000 lít

+ Dầu Diesel: 3.000 lít

+ Nhớt: 100 lít

3. Phương tiện, trang bị

a) Phương tiện: 16 xe các loại (có danh sách kèm theo)

+ Xe chỉ huy: 03 xe (Toyota, Uoát, Maz Da BT50).

+ Xe tải: 04 xe. (Zil 131, 2 xe Huyndai, KIA)

+ Xe cuốc: 01 chiếc.

+ Xe Honda: 08 chiếc.

b) Trang bị

+ Máy dò mìn: 01 cái.

+ Máy phát điện: 01 cái.

+ Máy Bơm nước: 01 cái.

+ Máy thông tin: 01 cái loại 15W.

- + Nhà bạt: 04 cái.
- + Và một số vật dụng phục vụ hậu cần khác.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ CHQS tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo Đội K92 quán triệt xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo khoảng thời gian, địa bàn, số lượng nêu trên; phối hợp Ban Chuyên trách các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia theo địa bàn được phân công, hiệp đồng thống nhất kế hoạch hoạt động; chỉ đạo chặt chẽ công tác chuẩn bị lực lượng, phương tiện; xây dựng quyết tâm cao, chủ động, tích cực vượt qua khó khăn, quy tập đạt kết quả tốt.

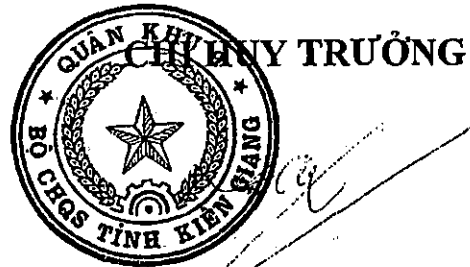
2. Các cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên theo dõi nắm tình hình, tham mưu Bộ CHQS chỉ đạo, bảo đảm kịp thời, đầy đủ vật chất cho Đội K92 theo quy định.

3. Kết thúc giai đoạn, tổ chức bình xét, đề nghị về trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen cho cán bộ, chiến sĩ Đội K92, người dẫn đường, cơ quan chuyên môn, các cá nhân là thành viên Ban Chuyên trách; Ban Chỉ đạo 515 tỉnh gồm: 05 tập thể, 12 cá nhân.

4. Đội K92 xây dựng kế hoạch cụ thể thông qua Ban Chỉ đạo 515 tỉnh; Ban Chuyên trách tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh; giáo dục cán bộ, chiến sĩ nêu cao tinh thần cảnh giác, tăng cường phối hợp lực lượng vũ trang Ban canh gác, bảo vệ nơi đóng quân và các khu vực hoạt động. Quá trình thực hiện nhiệm vụ hằng ngày báo cáo bằng điện cơ yếu về Phòng Tham mưu (qua Ban Cơ yếu) và Phòng Chính trị (qua Ban Chính sách), đề cơ quan tổng hợp báo cáo Bộ CHQS tỉnh và Phòng Chính sách/Cục Chính trị/Quân khu 9. Khi có việc đột xuất phải báo cáo ngay về Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ CHQS tỉnh để chỉ đạo. *ALD*

### Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo 515 QK9 (báo cáo);
- Phòng Chính sách/CCT/QK9;
- Ban Chỉ đạo 515 tỉnh;
- Thủ trưởng Bộ CHQS tỉnh;
- Các Phòng TM, CT, HC, KT;
- Văn phòng Bộ CHQS tỉnh;
- Các Ban Tài chính, Chính sách;
- Đội K92;
- Lưu: VT, CS. N25. *AL*

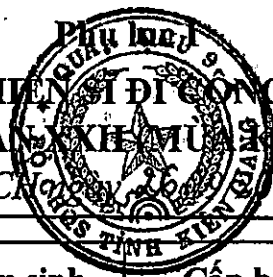


Đại tá Nguyễn Văn Ngành



**DANH SÁCH CÁN BỘ, CHIẾN SĨ ĐI CÔNG TÁC TẠI CAMPUCHIA  
ĐỢT I GIAI ĐOẠN KHAI MỤC (NĂM 2022 - 2023)**

(Kèm theo kế hoạch số: 2817/KH-BCN ngày 26/02/2022 của Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang)



TT	Họ và tên	Năm sinh	Cấp bậc	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Tuấn	1969	Thượng tá	Đội trưởng	
2	Trần Quang Thuận	1969	Thượng tá	Chính trị viên	
3	Tổng Văn Kiệt	1970	Thượng tá	Phó đội trưởng	
4	Lê Hoàng Năm	1971	Thượng tá	Phó đội trưởng	
5	Danh Thanh Tú	1976	Thiếu tá	Phân đội trưởng	
6	Đặng Ngọc Trúc	1978	Thiếu tá	Phân đội trưởng	
7	Danh Chành Tha	1977	Thiếu tá	Trợ lý chính trị	
8	Lê Minh Thắng	1984	Đại úy	Trợ lý chính trị	
9	Nguyễn Chánh Thi	1973	Trung tá	NV tài chính	
10	Võ Thành Trung	1974	Thiếu tá	NV cơ yếu	
11	Nguyễn Thành Nhân	1977	Thiếu tá	NV hậu cần	
12	Lê Thanh Nhân	1969	Thiếu tá	NV báo vụ	
13	Huỳnh Văn Giang	1978	Thượng úy	Y sỹ	
14	Nguyễn Hữu An	1976	Đại úy	NV cơ công	
15	Phạm Văn Hận	1976	Đại úy	a trưởng trinh sát	
16	Hứa Trường Nhận	1980	Đại úy	NV báo vụ	
17	Trần Văn Thương	1976	Đại úy	NV lái xe	
18	Lê Thái Vĩnh	1980	Thượng úy	NV CBHC	
19	Võ Tấn Hưng	1979	Thượng úy	NV lái xe	
20	Phan Hoàng Nhu	1980	Thượng úy	NV CBHC	
21	Trịnh Ngọc Hiếu	1979	Thượng úy	NV CBHC	
22	Danh Sang	1977	Thượng úy	NV CBHC	
23	Danh Ni	1980	Trung úy	NV CBHC	
24	Danh Tuấn	1984	Thượng úy	NV báo vụ	
25	Danh An	1984	Thượng úy	NV lái xe	
26	Ngô Sa Lem	1985	Thượng úy	NV lái xe	
27	Trần Văn Lập	1982	Thượng úy	NV lái xe	
28	Nguyễn An Khang	1993	Trung úy	NV CBHC	
29	Trần Ngọc Huỳnh	1988	Thượng sỹ	Y tá	

30	Nguyễn Quang Thiện	1999	Trung sỹ	NV nấu ăn	
31	Huỳnh Nhật Linh	1997	Binh nhất	Chiến sỹ	
32	Lê Văn Hậu	2003	Binh nhất	Chiến sỹ	
33	Trần Thanh Luân	2000	Binh nhất	Chiến sỹ	
34	Bùi Văn Bạc	1997	Binh nhất	Chiến sỹ	
35	Nguyễn Minh Dẫn	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
36	Ngô Nhật Hào	2001	Binh nhất	Chiến sỹ	
37	Huỳnh Văn Phăng	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
38	Vũ Ngọc Thân	1996	Binh nhất	Chiến sỹ	
39	Danh Tiến	2000	Binh nhất	Chiến sỹ	
40	Lại Thanh Hà	1997	Binh nhất	Chiến sỹ	
41	Lâm Phước Hải	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
42	Đỗ Văn Còn	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
43	Trần Mai Quốc Hoàng	1999	Binh nhất	Chiến sỹ	
44	Huỳnh Thiện Hòa	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
45	Nguyễn Văn Nghiệm	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
46	Nguyễn Văn Lâm	2001	Binh nhất	Chiến sỹ	
47	Trần Minh Trường	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
48	Lưu Trường Dương	2000	Binh nhất	Chiến sỹ	
49	Nguyễn Hữu Phúc	2003	Binh nhì	Chiến sỹ	
50	Thái Quốc An	2001	Binh nhì	Chiến sỹ	
51	Lê Minh Tiến	2001	Binh nhì	Chiến sỹ	
52	Nguyễn Quốc Sỹ	2002	Binh nhì	Chiến sỹ	
53	Võ Hồng Kỳ	1951		Đội viên	Dẫn đường
54	Danh Sam	1953		Đội viên	Dẫn đường
55	Huỳnh Văn Vũ	1967		Đội viên	Dẫn đường
56	Lê Minh Trí	1970		Đội viên	Dẫn đường

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CHIẾN SĨ ĐI CÔNG TÁC TẠI CAMPUCHIA  
ĐỢT II GIAI ĐOẠN XXI (MÙA KHÔ 2022 - 2023)**

(Kèm theo kế hoạch số: 2817 /KH-BC/Đông 2022 của Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Cấp bậc	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Tuấn	1969	Thượng tá	Đội trưởng	
2	Trần Quang Thuận	1969	Thượng tá	Chính trị viên	
3	Tổng Văn Kiệt	1970	Thượng tá	Phó đội trưởng	
4	Lê Hoàng Năm	1971	Thượng tá	Phó đội trưởng	
5	Đặng Ngọc Trúc	1978	Thiếu tá	Phân đội trưởng	
6	Đỗ Khắc Thắng	1980	Thiếu tá	Phân đội trưởng	
7	Danh Chành Tha	1977	Thiếu tá	Trợ lý chính trị	
8	Lê Minh Thắng	1984	Đại úy	Trợ lý chính trị	
9	Nguyễn Chánh Thi	1973	Trung tá	NV tài chính	
10	Võ Thành Trung	1974	Thiếu tá	NV cơ yếu	
11	Nguyễn Thành Nhân	1977	Thiếu tá	NV hậu cần	
12	Lê Thanh Nhân	1969	Thiếu tá	NV bảo vệ	
13	Huỳnh Văn Giang	1978	Thượng úy	Y sỹ	
14	Nguyễn Hữu An	1976	Đại úy	NV cơ công	
15	Phạm Văn Hận	1976	Đại úy	a trưởng trình sát	
16	Hứa Trường Nhạn	1980	Đại úy	NV bảo vệ	
17	Trần Văn Thương	1976	Đại úy	NV lái xe	
18	Lê Thái Vĩnh	1980	Thượng úy	NV CBHC	
19	Võ Tấn Hưng	1979	Thượng úy	NV lái xe	
20	Phan Hoàng Nhu	1980	Thượng úy	NV CBHC	
21	Trịnh Ngọc Hiếu	1979	Thượng úy	NV-CBHC	
22	Danh Sang	1977	Thượng úy	NV CBHC	
23	Danh Ni	1980	Trung úy	NV CBHC	
24	Danh Tuấn	1984	Thượng úy	NV bảo vệ	
25	Danh An	1984	Thượng úy	NV lái xe	
26	Ngô Sa Lem	1985	Thượng úy	NV lái xe	
27	Trần Văn Lập	1982	Thượng úy	NV lái xe	
28	Nguyễn An Khang	1993	Trung úy	NV CBHC	
29	Trần Ngọc Huỳnh	1988	Thượng sỹ	Y tá	
30	Nguyễn Quang Thiện	1999	Trung sỹ	NV nấu ăn	

31	Huỳnh Nhật Linh	1997	Binh nhất	Chiến sỹ	
32	Lê Văn Hậu	2003	Binh nhất	Chiến sỹ	
33	Trần Thanh Luân	2000	Binh nhất	Chiến sỹ	
34	Bùi Văn Bạc	1997	Binh nhất	Chiến sỹ	
35	Nguyễn Minh Dẫn	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
36	Ngô Nhật Hào	2001	Binh nhất	Chiến sỹ	
37	Huỳnh Văn Phăng	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
38	Vũ Ngọc Thân	1996	Binh nhất	Chiến sỹ	
39	Danh Tiến	2000	Binh nhất	Chiến sỹ	
40	Lại Thanh Hà	1997	Binh nhất	Chiến sỹ	
41	Lâm Phước Hải	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
42	Đỗ Văn Còn	2002	Binh nhất	Chiến sỹ	
43	Trần Mai Quốc Hoàng	1999	Binh nhất	Chiến sỹ	
44	Nguyễn Hữu Phúc	2003	Binh nhì	Chiến sỹ	
45	Thái Quốc An	2001	Binh nhì	Chiến sỹ	
46	Lê Minh Tiến	2001	Binh nhì	Chiến sỹ	
47	Nguyễn Quốc Sỹ	2002	Binh nhì	Chiến sỹ	
48	Hồ Tiểu Hào	2000	Binh nhì	Chiến sỹ	
49	Trần Minh Trí	2003	Binh nhì	Chiến sỹ	
50	Trần Văn Vẹn	2001	Binh nhì	Chiến sỹ	
51	Huỳnh Thanh Đào	2002	Binh nhì	Chiến sỹ	
52	Châu Hoài Nam	2003	Binh nhì	Chiến sỹ	
53	Võ Hồng Kỳ	1951		Đội viên	Dẫn đường
54	Danh Sam	1953		Đội viên	Dẫn đường
55	Huỳnh Văn Vũ	1967		Đội viên	Dẫn đường
56	Lê Minh Trí	1970		Đội viên	Dẫn đường



**DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN, TRANG BỊ LÀM NHIỆM VỤ TẠI CAMPUCHIA  
ĐỢT I GIAI ĐOẠN XII (MÙA KHÔ 2022-2023)**

(Kèm theo kế hoạch số: 2817/KH-BCH ngày 19/12/2022 của Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang)

TT	LOẠI XE	BIÊN SỐ	SỐ SƯỜN	SỐ MÁY	PHỤ GHI
1	Xe Toyota HiluxG	68C-04466	G401569974	1KD7835726	
2	Xe Mazda BT50	KK50-15	FW400855	AT2001374	
3	Xe Uoát	KK - 1499	60552861	60404419	
4	Xe Cứu Thương	KK -5246	U 976066	A 094667	
5	Xe KIA	68H-6478	24483	577559	
6	Xe Hyundai	KK-4971	DCO18049	BD533404	
7	Xe Hyundai	KK-5069	FC289204	FJ595303	
8	Xe Cuốc		000000269	H1350	
9	Xe Honda	68H1-09870	5377EZ060765	JC54E3172409	
10	Xe Honda	68H1-16442	H2F0 J0003564	F467D2R23699	
11	Xe Honda	68H2-2369	6408Y057815	5C64057815	
12	Xe Honda	68H2-21236	J0002068	E467.D2R22196	
13	Xe Honda	68H2-21260	J0002401	E467.D2R22465	
14	Xe Honda	68B1-0122	102869	2202409	
15	Xe Honda	68K1-29464	H2F0 J0005153	E467D2R25303	
16	Xe Honda	68H1-16470	43LNJV101575	E467D2R30764	
17	Máy dò mìn	Vallon Dual Sénor			
18	Máy phát điện	honda 1.5kw			
19	Máy bơm nước	Honda 5.5			
20	Máy thông tin 15W	VRU-611, 2841			



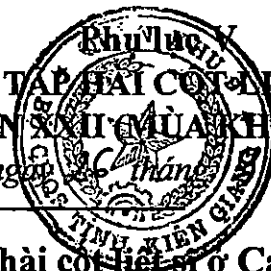
**DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN, TRẠNG BỊ LA MỆNH VỤ TẠI CAMPUCHIA  
ĐỢT II GIAI ĐOẠN SỬ DỤNG KHÔ 2022-2023)**

(Kèm theo kế hoạch số: ~~2817~~/KH-BCH ngày 15/05/2022 của Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang)

TT	LOẠI XE	BIÊN SỐ	SỐ SƯỜN	SỐ MÁY	PHỤ GHI
1	Xe Toyota HiluxG	68C-04466	G401569974	1KD7835726	
2	Xe Mazda BT50	KK50-15	FW400855	AT2001374	
3	Xe Uóat	KK - 1499	60552861	60404419	
4	Xe Cứu Thương	KK -5246	U 976066	A 094667	
5	Xe KIA	68H-6478	24483	577559	
6	Xe Hyundai	KK-4971	DCO18049	BD533404	
7	Xe Hyundai	KK-5069	FC289204	FJ595303	
8	Xe Cuốc		000000269	H1350	
9	Xe Honda	68H1-09870	5377EZ060765	JC54E3172409	
10	Xe Honda	68H1-16442	H2F0 J0003564	F467D2R23699	
11	Xe Honda	68H2-2369	6408Y057815	5C64057815	
12	Xe Honda	68H2-21236	J0002068	E467.D2R22196	
13	Xe Honda	68H2-21260	J0002401	E467.D2R22465	
14	Xe Honda	68B1-0122	102869	2202409	
15	Xe Honda	68K1-29464	H2F0 J0005153	E467D2R25303	
16	Xe Honda	68H1-16470	43LNJV101575	E467D2R30764	
17	Máy dò mìn	Vallon Dual Sénor			
18	Máy phát điện	honda 1.5kw			
19	Máy bơm nước	Honda 5.5			
20	Máy thông tin 15W	VRU-611, 2841			

**DỰ TOÁN KINH PHÍ TÌM KIẾM, QUY TẬP HÀI CỐT LIỆT SĨ Ở CAMPUCHIA VÀ TRONG NƯỚC  
GIAI ĐOẠN XXII (MÙA KHÔ 2022 - 2023)**

*(Kèm theo Kế hoạch số 2817/KH-BCH ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang)*



**Phần I: Dự toán chi kinh phí tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở Campuchia giai đoạn XXII (mùa khô 2022-2023):**

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Định mức	Thành Tiền	Ghi chú
1	<b>Bảo đảm khảo sát, tìm kiếm, cất bốc, quy tập hài cốt liệt sĩ</b>					<b>2.272.300.000</b>	
	- Chi ngày công và vật chất phục vụ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ					435.800.000	
	+ Chi ngày công, phục vụ tìm kiếm, quy tập					385.800.000	
	Ngày công khảo sát tìm kiếm quy tập	Người/ngày	40	26	220.000	228.800.000	
	Chi ăn khảo sát tìm kiếm quy tập	Người/ngày	40	26	65.000	67.600.000	
	Chi phụ cấp trách nhiệm	Người/tháng	40	1	745.000	29.800.000	
	Chi phụ cấp khu vực	Người/tháng	40	1	1.490.000	59.600.000	
	+ Chi cất bốc hài cốt	Hài cốt	50		1.000.000	50.000.000	
	- Chi bảo đảm xăng, dầu, phương tiện trang bị thay thế					1.836.500.000	
	+ Xăng dầu, nhớt	Lít	41.500		29.000	1.203.500.000	
	+ Sửa chữa thay thế, phụ tùng ô tô	Xe	9		40.000.000	360.000.000	
	+ Kiểm định và lệ phí cầu phà	Xe	4		2.000.000	8.000.000	
	+ Mua thuốc chữa bệnh	Đội	1		20.000.000	20.000.000	
	+ Thuê phương tiện đào bới						
	+ Dụng cụ BĐHC phục vụ đời sống cho đội						
	+ Chi mua dụng cụ phục vụ đào bới	Đội	1		10.000.000	10.000.000	
	+ Chi học tiếng Campuchia	Người	50		500.000	25.000.000	
	+ Chi bồi dưỡng sức khỏe	Người	60	2	500.000	60.000.000	
	+ Làm nhà tạm Đội quy tập thực hiện nhiệm vụ	Đội			150.000.000	150.000.000	
2	<b>Chi đối ngoại</b>					<b>360.000.000</b>	
	- Lễ tiễn đưa hài cốt tại Campuchia	Lần	2	2	30.000.000	120.000.000	

	- Chi quà của Đội sang làm nhiệm vụ tại Campuchia	Lần	4	2	30.000.000	240.000.000	
<b>3</b>	<b>Chi khen thưởng, chi nghiệp vụ, văn phòng</b>					<b>390.000.000</b>	
	- Chi hỗ trợ tuyên truyền, vận động nhân dân cung cấp thông tin tại CPC	Tỉnh	4	2	30.000.000	240.000.000	
	- Chi bồi dưỡng người cung cấp thông tin chính xác có hài cốt liệt sĩ	Hài cốt	50		3.000.000	150.000.000	
<b>4</b>	<b>Chi trả theo chế độ cho cán bộ chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ TKQT</b>					<b>6.238.000.000</b>	
	+ Bồi dưỡng ngày công	Người/ngày	50	208	220.000	2.288.000.000	
	+ Tiền ăn	Người/ngày	50	208	65.000	676.000.000	
	+ Chi phụ cấp đặc biệt	Người/tháng	50	8	5.950.000	2.380.000.000	
	+ Chi phụ cấp trách nhiệm	Người/tháng	50	8	745.000	298.000.000	
	+ Chi phụ cấp khu vực	Người/tháng	50	8	1.490.000	596.000.000	
<b>5</b>	<b>Chi bồi dưỡng cho người dẫn đường, bảo vệ, CCB</b>					<b>1.853.280.000</b>	
	- CCB CPC tham gia dẫn đường	Người/ngày	12	234	220.000	617.760.000	
	- CCB VN tham gia dẫn đường	Người/ngày	4	234	220.000	205.920.000	
	- Lực lượng bảo vệ CPC	Người/ngày	20	234	220.000	1.029.600.000	
<b>6</b>	<b>Chi ăn cho người dẫn đường, bảo vệ, CCB</b>	Người/ngày	36	234	130.000	<b>1.095.120.000</b>	
<b>7</b>	<b>Chi đền bù hoa màu</b>					<b>400.000.000</b>	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>12.608.700.000</b>	

Số tiền bằng chữ: Mười hai tỷ sáu trăm lẻ tám triệu bảy trăm ngàn đồng.

**Phần II: Dự toán chi kinh phí tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước giai đoạn XXII (mùa khô 2022 - 2023):**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Định mức	Thành Tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Bảo đảm khảo sát, tìm kiếm, cất bốc, quy tập hài cốt liệt sĩ</b>					<b>366.900.000</b>	
	- Chi ngày công và vật chất phục vụ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ					248.000.000	
	+ Chi ngày công khảo sát	Người/ngày	8	100	220.000	176.000.000	
	+ Chi tiền ăn khảo sát	Người/ngày	8	100	65.000	52.000.000	
	+ Chi cất bốc hài cốt	Hài cốt	20		1.000.000	20.000.000	



	- Chi bảo đảm xăng, dầu	Lít	4.100		29.000	118.900.000	
2	<b>Chi trả theo chế độ cho cán bộ chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ TKQT:</b>					<b>684.000.000</b>	
	- Chi ngày công tìm kiếm, quy tập	Người/ngày	8	300	220.000	528.000.000	
	- Chi tiền ăn tìm kiếm, quy tập	Người/ngày	8	300	65.000	156.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>1.050.900.000</b>	

*Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi triệu chín trăm ngàn đồng.*

**Tổng cộng: phần I + phần II = 12.608.700.000 + 1.050.900.000 = 13.659.600.000đ.**

*Số tiền bằng chữ: Mười ba tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng./.*